

Số: **47** /2012/NQ - HĐND

Hà Giang, ngày 14 tháng 7 năm 2012

**NGHỊ QUYẾT**

**Về việc ban hành một số chính sách khuyến khích  
phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG  
KHOÁ XVI - KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 26 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số: 72/2010/QĐ-TTg ngày 15 tháng 11 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện chương trình xúc tiến thương mại quốc gia;

Căn cứ Quyết định số: 01/2012/QĐ-TTg ngày 09 tháng 1 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản;

Sau khi xem xét Tờ trình số: 80/TTr-UBND ngày 27 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành Nghị quyết về một số chính sách khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang;

Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang đã thảo luận và nhất trí,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Ban hành một số chính sách khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Giang (có Quy định cụ thể kèm theo).

**Điều 2.** Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2012.

Bãi bỏ Nghị quyết số: 12/2009/NQ-HĐND ngày 08/7/2009 của Hội đồng Nhân dân tỉnh Hà Giang về việc ban hành quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và khuyến khích phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

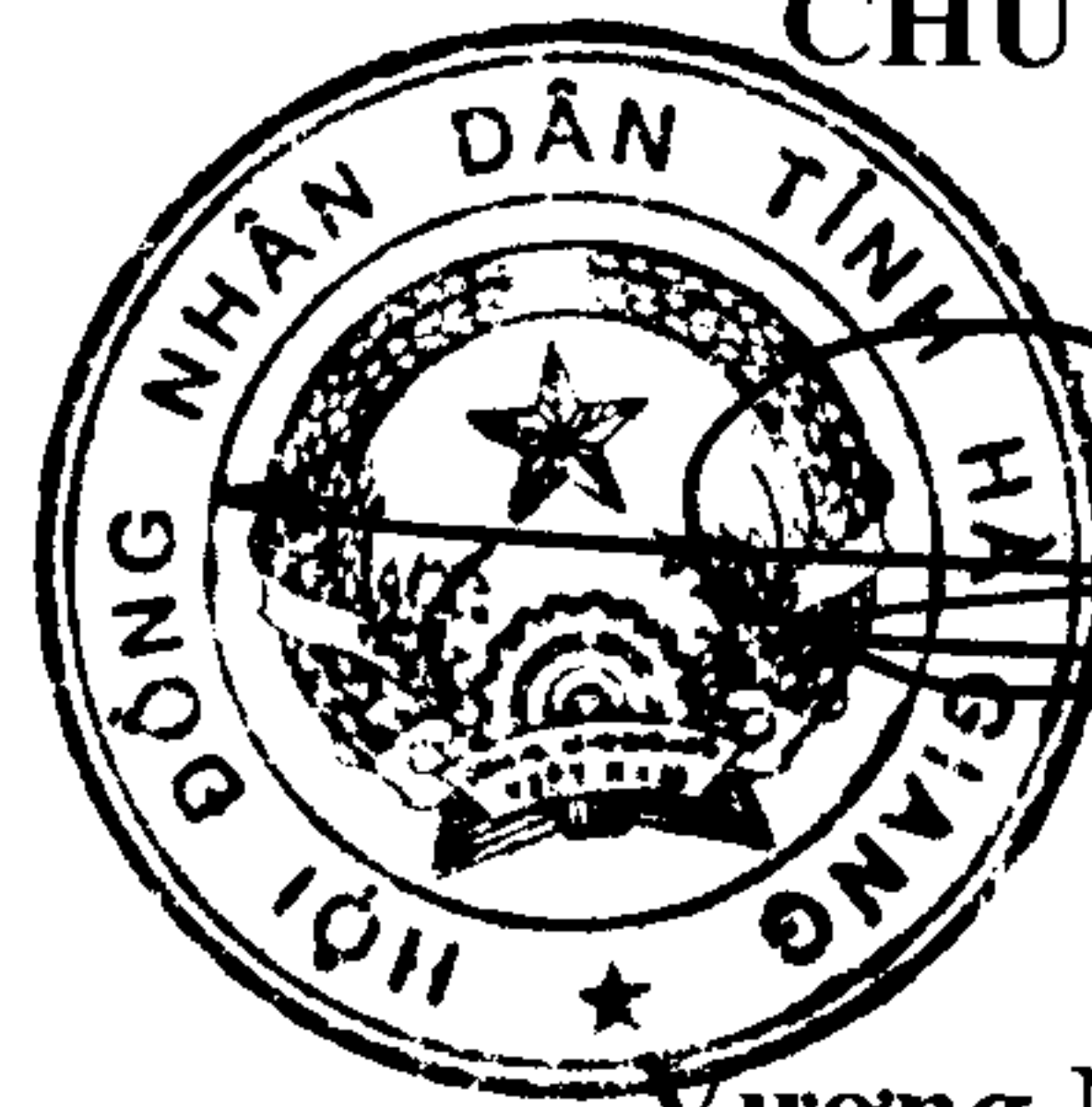
**Điều 3.** Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang giao cho Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang khóa XVI - Kỳ họp thứ năm thông qua./. *Đạt*

**Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Công thương; Văn hóa - Thể thao và Du lịch; Nông nghiệp và PTNT; Lao động - Thương binh - Xã hội;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH khóa XIII tỉnh Hà Giang;
- Các Ban và Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND huyện, thành phố;
- Trung tâm Công báo - Tin học;
- T.âm Thông tin - VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu VT.

**CHỦ TỊCH**



**Vương Mí Vàng**

**QUY ĐỊNH**

**Một số chính sách khuyến khích phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Hà Giang**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 47 /2012/NQ –HĐND  
ngày 14 tháng 7 năm 2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hà Giang)*

**Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Đối tượng áp dụng**

Tổ chức, cá nhân thực hiện sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Hà Giang theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 2. Phạm vi áp dụng**

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh trong khu kinh tế cửa khẩu và khu, cụm công nghiệp.

2. Hoạt động chế biến sản phẩm từ nông nghiệp: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân xây dựng cơ sở hạ tầng, xây dựng cơ sở chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu hàng hóa nông sản, thủy sản.

3. Hoạt động thương mại và dịch vụ: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xúc tiến thương mại các sản phẩm hàng hóa sản xuất tại địa phương; khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu đối với các mặt hàng khuyến khích xuất khẩu của tỉnh.

4. Hoạt động sản xuất nông nghiệp: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân phát triển trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản nằm trong vùng quy hoạch được phê duyệt.

5. Đào tạo nghề, lao động, việc làm: Áp dụng đối với người đi lao động; tổ chức, cá nhân có hoạt động tư vấn và đưa lao động đi làm việc ở trong nước và nước ngoài.

6. Phát triển làng văn hóa du lịch: Áp dụng đối với tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ trong các làng văn hóa du lịch theo quy hoạch của tỉnh.

**Chương II: CÁC CHÍNH SÁCH KHUYẾN KHÍCH CỤ THỂ**

**Điều 3. Hỗ trợ phát triển kinh tế khu vực cửa khẩu**

1. Tại khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy:

Hỗ trợ 50% giá thuê mặt bằng kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân chuyên kinh doanh giới thiệu các sản phẩm hàng hoá có đăng ký tiêu chuẩn hàng Việt Nam chất lượng cao hoặc hàng hoá sản xuất tại địa phương, có nhu cầu thuê nhà, mặt bằng kinh doanh cố định tối thiểu một năm trở lên. Diện tích được hỗ trợ 01 gian hàng hoặc 01 gian nhà (tối đa không quá 18 m<sup>2</sup>); Thời gian hỗ trợ theo thời gian thuê thực tế nhưng không quá 02 năm kể từ ngày ký hợp đồng

2. Tại các cửa khẩu khác:

a) Hỗ trợ 30% lãi suất tiền vay cho các tổ chức, cá nhân thực hiện xây dựng nhà, kiốt bán hàng. Thời gian hỗ trợ từ khi khởi công dự án đến khi hoàn thành đưa vào sử dụng (không quá 24 tháng). Mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất không quá 500 triệu đồng.

b) Hỗ trợ 20% giá thuê nhà, mặt bằng kinh doanh cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu thuê cố định tối thiểu một năm trở lên. Diện tích được hỗ trợ 01 gian hàng hoặc 01 gian nhà (tối đa không quá 18 m<sup>2</sup>); thời gian hỗ trợ theo thời gian thuê thực tế nhưng không quá 2 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

c) Hỗ trợ 70% giá thuê nhà hoặc mặt bằng kinh doanh đối với các tổ chức, cá nhân kinh doanh, giới thiệu các sản phẩm hàng hoá có đăng ký tiêu chuẩn hàng Việt Nam chất lượng cao hoặc hàng hoá sản xuất tại địa phương có nhu cầu thuê nhà, gian hàng cố định tối thiểu 01 năm trở lên. Diện tích được hỗ trợ 01 gian hàng hoặc 01 gian nhà (tối đa không quá 18 m<sup>2</sup>); thời gian hỗ trợ theo thời gian thuê thực tế nhưng không quá 3 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

#### **Điều 4. Hỗ trợ công nghiệp chế biến sản phẩm từ nông nghiệp**

1. Hỗ trợ các hạng mục xây dựng hạ tầng kỹ thuật: Đường từ trục chính vào khu nhà máy, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp nước nằm trong vùng nguyên liệu tập trung, sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản gắn với chế biến, tiêu thụ và xuất khẩu hàng hoá nông sản, thủy sản theo quy hoạch được phê duyệt; được tỉnh hỗ trợ tối đa không quá 02 tỷ đồng/nhà máy với tỷ lệ nguồn vốn theo địa bàn như sau:

a) Địa bàn các huyện: Bắc Quang, Quang Bình, Vị Xuyên, Bắc Mê và Thành phố Hà Giang; Hỗ trợ tối đa 40 % kinh phí xây dựng hạng mục được hỗ trợ.

b) Địa bàn các huyện: Mèo Vạc, Đồng Văn, Yên Minh, Quản Bạ, Hoàng Su Phì và Xín Mần; Hỗ trợ tối đa 60 % kinh phí xây dựng hạng mục được hỗ trợ.

Nguồn vốn hỗ trợ cho các dự án được nêu tại điểm a và b khoản 1 điều này, sử dụng từ nguồn vốn: Cân đối ngân sách, vốn mục tiêu thuộc các chương trình quốc gia trung ương giao hàng năm.

2. Hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh với thời gian là 24 tháng, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 100 triệu đồng đối với hộ gia đình và 200 triệu đồng đối với HTX, doanh nghiệp xây dựng cơ sở chế biến, kho bảo quản bao tiêu sản phẩm nông nghiệp cho nông dân.

#### **Điều 5. Hỗ trợ thương mại và dịch vụ**

##### 1. Xuất khẩu hàng hóa.

Các mặt hàng sản xuất tại địa phương được khuyến khích xuất khẩu gồm: Chè, Cam, Mật ong, Vải thổ cẩm, Dược liệu. Đơn vị xuất khẩu hàng hóa được hỗ trợ 01 lần kinh phí xúc tiến thương mại như sau:

a) Tổng giá trị các hợp đồng và thực hiện xuất khẩu đạt từ 200.000 USD đến 300.000 USD của năm trước liền kề được hỗ trợ 100 triệu đồng;

b) Tổng giá trị các hợp đồng và thực hiện xuất khẩu đạt trên 300.000 USD trở lên của năm trước liền kề được hỗ trợ 200 triệu đồng;

c) Hỗ trợ lãi suất vốn vay mua nguyên liệu để sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu.

Đơn vị sản xuất và xuất khẩu trực tiếp các mặt hàng thuộc Danh mục mặt hàng khuyến khích xuất khẩu của tỉnh, vay vốn của các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh để mua nguyên liệu sản xuất, chế biến hàng xuất khẩu được hỗ trợ 100% lãi suất cho

mức tiền vay bằng 100% tổng giá trị hợp đồng, nhưng mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất không quá 500 triệu đồng/đơn vị/năm.

## 2. Hỗ trợ tuyên truyền quảng cáo.

a) Các tổ chức cá nhân có sản phẩm sản xuất tại địa phương phải trả chi phí khi quảng cáo sản phẩm của mình trên các ấn phẩm, các phương tiện thông tin đại chúng hoặc Website thương mại điện tử, xúc tiến thương mại trong và ngoài nước thì được hỗ trợ một lần bằng 50% chi phí quảng cáo sản phẩm phải trả cho các phương tiện thông tin đại chúng hoặc Website, mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân;

b) Được quảng cáo miễn phí trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, không hạn chế số lần, thời gian quảng cáo.

c) Trang tin điện tử của các tổ chức cá nhân có sản phẩm sản xuất tại địa phương được liên kết miễn phí trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh;

d) Các tổ chức, cá nhân xây dựng Website thông tin để giới thiệu, quảng bá, giao dịch được hỗ trợ xây dựng Website, mức hỗ trợ một lần bằng 50% tổng chi phí nhưng không quá 20 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

## 3. Hỗ trợ xúc tiến thương mại.

a) Hỗ trợ kinh phí cho các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xúc tiến thương mại, khảo sát tìm kiếm thị trường xuất khẩu, như sau:

- Hoạt động xúc tiến thương mại trong nước: Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ 50% kinh phí thuê gian hàng, nhưng tối đa không quá 6 triệu đồng/tổ chức, cá nhân/ năm khi tham gia các hội chợ chuyên ngành xuất khẩu của Việt Nam được tổ chức trong nước.

- Hoạt động xúc tiến thương mại tại nước ngoài: Tổ chức, cá nhân được UBND tỉnh cho phép tham gia đoàn khảo sát thị trường tại nước ngoài được hỗ trợ kinh phí vé máy bay khứ hồi, mỗi tổ chức được hỗ trợ vé cho 01 người/ tổ chức, mức hỗ trợ không quá 40 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

- Doanh nghiệp do UBND tỉnh cho phép tham dự các hội chợ triển lãm tại nước ngoài được hỗ trợ chi phí thuê gian hàng, với mức tối đa 20 triệu đồng/Doanh nghiệp.

### b) Hỗ trợ đăng ký thương hiệu sản phẩm:

Hỗ trợ 50% kinh phí thực hiện đăng ký lần đầu thương hiệu sản phẩm hàng hóa sản xuất tại địa phương cho tổ chức, cá nhân mức hỗ trợ tối đa không quá 35 triệu đồng/1 thương hiệu.

## **Điều 6. Chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp**

1. Hỗ trợ phát triển Hợp tác xã nông nghiệp: Ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí thành lập mới hợp tác xã, mức hỗ trợ 30 triệu đồng/Hợp tác xã.

### 2. Hỗ trợ sản xuất cây vụ đông:

a) Đối tượng là hộ gia đình thuộc địa bàn 06 huyện nghèo thuộc Chương trình 30a và hộ nghèo, cận nghèo của các thôn, xã đặc biệt khó khăn ở vùng thấp được nhà nước hỗ trợ trong 2 năm liên tiếp với mức là 100% giá giống đối với sản xuất Ngô; 50% giá giống đối với sản xuất Khoai tây;

*Dat*

b) Các đối tượng còn lại: Các hộ vay vốn các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh sản xuất cây vụ đông được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong 12 tháng, mức tiền vay tối đa được hỗ trợ lãi suất là 30 triệu đồng/hộ.

### 3. Hỗ trợ phát triển chăn nuôi.

#### a) Hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò:

- Hỗ trợ cải tạo đàn trâu, bò bằng biện pháp thụ tinh nhân tạo: Mức hỗ trợ là 215.000đồng/con bê, nghé ra đời, trong đó chi hỗ trợ tiền công phối giống cho dẫn tinh viên với mức tối đa 100.000đồng/con.

- Hỗ trợ tiền công tiêm phòng vacxin cho gia súc hàng năm thuộc đối tượng hộ nghèo với định mức: Đại gia súc là 3.000 đồng/mũi tiêm, tiểu gia súc là 2.000 đồng/mũi tiêm, gia cầm là 300 đồng/mũi tiêm.

- Hỗ trợ trực tiếp 1 triệu đồng cho hộ nghèo (ngoài các huyện thuộc vùng 30a) để cải tạo chuồng nuôi nhốt gia súc.

#### b) Phát triển chăn nuôi:

- Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong 36 tháng cho các hộ nghèo có nhu cầu vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh để phát triển chăn nuôi trâu, bò, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 15 triệu đồng/hộ.

- Các hộ, doanh nghiệp, Hợp tác xã vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh mua trâu, bò để phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng trang trại được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay, thời gian hỗ trợ lãi suất là 36 tháng tính từ thời gian giải ngân, cụ thể như sau:

Quy mô từ 50 con đến 100 con: số tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 500 triệu đồng.

Quy mô từ 100 con trở lên: số tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 1 tỷ đồng.

- Hỗ trợ một lần tiền mua con giống cho hộ chăn nuôi ngựa với mức 03 triệu đồng /hộ.

- Các hộ, Hợp tác xã, doanh nghiệp vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong thời gian 12 tháng để đầu tư mua con giống lợn, dê, gà địa phương cụ thể như sau:

Quy mô từ 30 con dê, lợn hoặc 500 con gia cầm trở lên, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất không quá 50 triệu đồng.

Quy mô từ 100 con dê, lợn hoặc 1.500 con gia cầm trở lên, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất không quá 100 triệu đồng.

- Hộ gia đình, cá nhân, Hợp tác xã, Doanh nghiệp vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh để xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng hàng hóa được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong 12 tháng, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 100 triệu đồng.

### 4. Phát triển nuôi cá (ngoài vùng 30a):

a) Hỗ trợ hộ nghèo 100% giá giống và tiền cước vận chuyển giống nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/hộ và phải đảm bảo diện tích ao nuôi tối thiểu đạt từ 500m<sup>2</sup> trở lên đối với vùng thấp và 300m<sup>2</sup> trở lên đối với vùng cao.

b) Hỗ trợ hộ nghèo cải tạo mở rộng, đào mới diện tích ao nuôi cá (với quy mô diện tích tối thiểu phải đạt 500m<sup>2</sup> trở lên đối với vùng thấp và 300m<sup>2</sup> trở lên đối các huyện vùng cao); mức hỗ trợ không quá 01 triệu đồng/hộ.

c) Đối với hộ gia đình và Hợp tác xã nuôi cá theo quy mô trang trại được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay trong 2 năm. Mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 100 triệu đồng. Việc hỗ trợ lãi suất tiền vay thực hiện sau khi hộ gia đình, hợp tác xã đã thực hiện thanh toán lãi vay cho các tổ chức tín dụng.

#### 5. Hỗ trợ phát triển vùng nguyên liệu.

a) Đối với sản xuất rau, hoa, quả, chè theo quy trình VietGAP: Hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay lần đầu trong thời gian 02 năm, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất không quá 300 triệu đồng/dự án.

b) Đối với sản xuất lúa, ngô hàng hóa: Các tổ chức thực hiện cung ứng giống, vật tư, sản xuất và bao tiêu sản phẩm được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh trong vòng 2 năm, với định mức lúa là 4,5 triệu đồng/ha và ngô là 5,5 triệu đồng/ha.

c) Đối với cây chè; cây cam, quýt sạch bệnh; cam, quýt giống mới: Tổ chức, cá nhân được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 36 tháng, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 500 triệu đồng với quy mô trồng từ 10ha trở lên.

#### d) Trồng cây dược liệu:

- Đối với hộ gia đình: Hỗ trợ tiền mua cây giống, phân bón và một phần tiền công chăm sóc, mức hỗ trợ tối đa là 02 triệu đồng/ha với quy mô trồng từ 03 ha trở lên.

- Đối với doanh nghiệp, Hợp tác xã thuê đất để trồng cây dược liệu: Được hỗ trợ 50% lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh trong thời hạn 24 tháng. Mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa là 100 triệu đồng với quy mô trồng từ 5 ha trở lên.

### **Điều 7. Chính sách về lao động, việc làm, dạy nghề:**

#### 1. Hỗ trợ lao động đi làm việc ngoài tỉnh.

a) Đối với lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ dân tộc thiểu số khi đi làm việc tại các khu công nghiệp ngoài tỉnh, được hỗ trợ như sau:

- Hỗ trợ tiền vé (01 vé/người/chiều đi) theo giá vé dịch vụ vận tải thông thường từ Hà Giang đến nơi tiếp nhận làm việc.

- Hỗ trợ chi phí sinh hoạt trong 01 tháng đầu (30 ngày) kể từ ngày được tiếp nhận vào làm việc. Mức hỗ trợ một lần bằng 01 tháng lương tối thiểu của vùng đến làm việc theo quy định của Chính phủ.

b) Hỗ trợ cho tổ chức đưa lao động của tỉnh Hà Giang đi làm việc ngoài tỉnh tại các khu công nghiệp trong nước (hỗ trợ kinh phí tuyên truyền, tư vấn, liên hệ đối tác

*Đut*

đưa lao động đến làm việc) với mức bằng 0,1 tháng lương tối thiểu/lao động theo quy định mức lương tối thiểu chung hiện hành của khu vực hành chính sự nghiệp.

2. Hỗ trợ người lao động đi lao động ở nước ngoài (*không áp dụng với các đối tượng nằm trong Chương trình 30a của Chính phủ*)

Người lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo; người lao động trực tiếp sản xuất nông nghiệp bị thu hồi đất sản xuất; Người lao động là con của các đối tượng: Liệt sỹ, thương binh, bệnh binh, người bị nhiễm chất độc hóa học, được hỗ trợ một lần chi phí đào tạo, giáo dục định hướng và ngoại ngữ để đi lao động ở nước ngoài, mức hỗ trợ 900.000 đồng/người.

### **Điều 8. Chính sách phát triển làng văn hóa du lịch**

1. Các tổ chức, cá nhân kinh doanh các sản phẩm sản xuất tại địa phương có vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong thời gian 3 năm đầu, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 50 triệu đồng/tổ chức, cá nhân.

2. Hợp tác xã nghề thủ công truyền thống vay vốn tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh để phát triển nghề, được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay trong thời gian 3 năm, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 100 triệu đồng/Hợp tác xã.

3. Các hộ gia đình kinh doanh dịch vụ lưu trú cho khách du lịch được hỗ trợ 100% lãi suất tiền vay tại các tổ chức tín dụng trên địa bàn tỉnh trong thời gian 2 năm, mức tiền vay được hỗ trợ lãi suất tối đa không quá 50 triệu đồng/hộ.

## **Chương III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 9. Trách nhiệm của UBND tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố.**

1. Đối với UBND tỉnh:

a) Quy định cụ thể phương pháp, hình thức hỗ trợ và giao nhiệm vụ cho các sở, ngành UBND các huyện, thành phố thực hiện. Lãi suất hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân được tính theo lãi suất tiền vay do các tổ chức tín dụng quy định tại thời điểm cho vay.

b) Kiểm tra việc thực hiện chính sách; phát hiện và đề xuất những chính sách cần sửa đổi hoặc cần thiết phải bổ sung thêm cho phù hợp với thực tiễn để trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

c) Chỉ đạo các sở, ngành, UBND cấp huyện cân đối, bố trí các nguồn vốn từ ngân sách theo kế hoạch hàng năm để các chính sách được tổ chức thực hiện đầy đủ, có hiệu quả.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố:

a) Có trách nhiệm hướng dẫn và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong việc giải quyết thủ tục hành chính, thủ tục về đất đai, tiếp cận các nguồn vốn tín dụng để phát triển sản xuất, kinh doanh theo quy định của Pháp luật.

b) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân theo quy định này, đảm bảo các chính sách được thực hiện đúng phạm vi, đối tượng và hiệu quả, góp phần phát triển kinh tế xã hội theo đúng mục tiêu kế hoạch đề ra.

c) Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra việc sử dụng kinh phí hỗ trợ của các tổ chức và cá nhân theo quy định hiện hành. Đề xuất những giải pháp khắc phục những khó khăn và những nội dung chưa phù hợp báo cáo UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

**Điều 10. Trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân hoạt động sản xuất kinh doanh được nhà nước hỗ trợ kinh phí**

1. Tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật. Sử dụng kinh phí được hỗ trợ theo đúng nội dung kinh phí được cấp; Thực hiện thanh toán, quyết toán các khoản kinh phí được hỗ trợ với cơ quan cấp phát theo đúng quy định hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện sản xuất, kinh doanh và được nhà nước hỗ trợ kinh phí phải ưu tiên sử dụng tối đa lao động tại địa phương, lao động đã qua đào tạo tại các cơ sở dạy nghề của tỉnh và lao động trong các hộ gia đình có đất bị thu hồi để thực hiện dự án sản xuất kinh doanh của mình./.



Vương Mí Vàng